



- Đội ngũ cán bộ của các NHTM VN, tuy đông về số lượng, nhưng trình độ chuyên môn nghiệp vụ thấp, nhất là cán bộ quản lý.

- Cơ cấu tổ chức trong nội bộ nhiều NHTM cũng chưa hợp lý,

- Trình độ tự động hóa thấp, công nghệ lạc hậu, mạng lưới chi nhánh rộng, hoạt động kém hiệu quả, ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

2. Về thời cơ và thách thức

HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỰC TRẠNG, THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC

GS.TSKH. NGUYỄN DUY GIA

Nguyên Thống đốc ngân hàng Nhà nước VN

1. Về thực trạng

a. Hình thành hệ thống ngân hàng 2 cấp, nhiệm vụ kinh doanh tài chính được chuyển sang các NHTMNN / NHTMCP. Các trung gian tài chính khác cũng lần lượt được thành lập như công ty vàng bạc đá quý, NHTMCP, hợp tác xã tín dụng, ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính.

Từ cuối 1998, hai luật ngân hàng có hiệu lực là bước tiến mới về củng cố, hoàn thiện cơ sở pháp lý trong hoạt động ngân hàng. Những cải cách quan trọng này là tiền đề để hệ thống ngân hàng VN thực hiện thành công chính sách tiền tệ, góp phần đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, huy động và cung ứng phần lớn lượng vốn cho phát triển kinh tế trong nước. từng bước mở rộng quyền tự chủ trong kinh doanh tiền tệ, hoạt động ngân hàng ngày càng sôi động, từng bước hình thành môi trường cạnh tranh bình đẳng cho mọi định chế tài chính.

b. Hệ thống ngân hàng VN vẫn ở giai đoạn phát triển ban đầu, năng lực tài chính của nhiều NHTM còn yếu, nợ quá hạn cao, nhiều rủi ro.

- Khối NHTMCP với 47 ngân hàng chỉ chiếm 10% tổng tài sản và thị phần tín dụng trong hệ thống NHTM tại VN.

- Khối NHTMNN tuy chiếm gần 80% thị phần tín dụng, nhưng vốn tự có còn thấp và chưa tương xứng với thị phần.

- Khối ngân hàng nước ngoài có tiềm lực khá mạnh chỉ chiếm trên dưới 10% thị phần tín dụng, nhưng nhìn chung họ có ưu thế hơn cả về công nghệ, loại hình dịch vụ, chiến lược khách hàng, hiệu quả hoạt động và mức độ an toàn.

Đáng chú ý là :

- Thị trường tài chính chưa hoàn thiện và tụt hậu so với các nước khu vực,

- Các nguyên tắc kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng còn yếu,

a. Đối với hệ thống ngân hàng VN [1], hội nhập quốc tế mở ra thời cơ để trao đổi, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng như hoạch định chính sách tiền tệ, đề ra biện pháp phòng ngừa rủi ro, áp dụng tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế - qua đó nâng cao uy tín và vị thế của hệ thống ngân hàng VN trong các giao dịch tài chính quốc tế.

- có điều kiện tranh thủ vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ,

- có khả năng theo kịp yêu cầu phát triển thị trường tài chính trong nước, khu vực và quốc tế.

b. Các NHTM VN bắt buộc phải chuyên môn hóa sâu hơn các nghiệp vụ ngân hàng.

c. Hội nhập quốc tế sẽ tạo ra động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới và nâng cao tính minh bạch của hệ thống ngân hàng VN.

i/ Hệ thống ngân hàng VN



cũng chịu tác động mạnh của thị trường tài chính thế giới;

ii/ Cạnh tranh sẽ quyết liệt hơn, khi các ngân hàng nước ngoài ngày càng mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động;

iii/ Các ngân hàng chưa chú trọng phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, công nghệ chưa được coi là công cụ hàng đầu để nâng sức cạnh tranh;

iv/ Hội nhập quốc tế sẽ làm tăng các giao dịch vốn và rủi ro hệ thống ngân hàng, trong khi cơ chế quản lý chưa hoàn thiện.

Đến tháng 7/2009, tổng vốn điều lệ 173.780 tỷ, tăng 16,9% so với 12/2008; tổng vốn chủ sở hữu 244.818 tỷ, tăng 19,6% so với cuối năm trước.

Chất lượng tín dụng theo chuẩn mực kế toán chung. Nợ xấu ở mức 5%, hệ số an toàn vốn (CAR) 8% (2001-2005), lên 10% (12/2008). Mức độ thâm nhập thị trường về quy mô cũng như chất lượng – thể hiện ở chỉ số M2/GDP và chỉ số dư nợ tín dụng / GDP năm 2000 là 58%, 40,24%, năm 2008 lên 108,35%, 85,08%. Hệ thống NH thể hiện rõ vai trò một kênh huy động và cung ứng vốn chủ yếu cho nền kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế đất nước trong 10 năm qua.

v/ Xuất phát điểm và trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng VN còn thấp, cả về công nghệ, trình độ tổ chức, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ; tốc độ mở cửa của nền kinh tế còn chậm;

vi/ Cơ cấu tổ chức của NHNN chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động có hiệu lực và hiệu quả của một hệ thống được quản lý tập trung thống nhất;

vii/ Hệ thống pháp luật VN còn chứa đựng nhiều hạn chế, mang tính định lượng, chưa phù hợp với nội dung của GATS và Hiệp định thương mại Việt - Mỹ.

Thách thức lớn đối với các hệ thống ngân hàng VN là vai trò, vị thế của nhóm ngân hàng nước ngoài ngày càng tăng.

3. Các mục tiêu hệ thống ngân hàng

Mặc dù không muốn bị tụt hậu là động lực lớn, nhưng điều quan trọng hơn phải đạt được quá trình hội nhập hệ thống ngân hàng. Các mục tiêu này, có thể bao gồm:

i/ Các dịch vụ ngân hàng phục vụ cho các hoạt động thương mại;

ii/ Các dịch vụ ngân hàng hỗ trợ cho định hướng hoạt động của các DNNN cũng như các nhu cầu của các doanh nghiệp tư nhân - dựa trên cơ sở rủi ro thương mại;

iii/ Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng các công cụ tài chính, quản lý các rủi ro tài chính, rủi ro tín dụng thương mại, rủi ro ngoại hối, và tiếp cận các nguồn vốn lưu động;

iv/ Huy động tiết kiệm trong nước bằng một cơ chế trung gian tiết kiệm tốt;

v/ Kích thích tăng trưởng kinh tế bằng cải tiến công tác phân bổ tín dụng và sử dụng các nguồn tín dụng cho đầu tư.

4. Nội lực thúc đẩy hội nhập quốc tế trong hệ thống ngân hàng.

Đây là những yếu tố quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế như là các hành động chính sách trực tiếp.

Có hai phương pháp thực hiện

là:

i/ Phát triển hệ thống ngân hàng tư nhân (về số lượng các ngân hàng vừa và lớn cũng như về tốc độ tăng trưởng tín dụng/GDP);

ii/ Mở cửa nước ngoài vào là phương pháp phổ biến ở các nước chưa hội nhập.

Trong số các nước cho thấy, không có chắc chắn, nếu các nhân tố khác hạn chế sự quan tâm gia nhập thị trường; và bán cổ phần không chế trong các NHTM tư nhân và các NHTMNN cho các ngân hàng nước ngoài là phương pháp chính để phát triển hệ thống ngân hàng tư nhân.

Lịch sử cho thấy ít quốc gia (nếu có) vẫn duy trì hệ thống ngân hàng chịu sự chi phối của các NHTMNN mà có thể đạt được thành công.

Hai phương pháp trên không thay thế- bổ trợ cho nhau, cả hai đều cần thiết.

5. Cổ phần hóa – tư nhân hóa – đa sở hữu

- Giá trị hội nhập vào nền kinh tế thế giới đối với VN, xuất phát từ:

i/ Nâng cao khả năng phân bổ các nguồn lực;

ii/ Tiếp cận các dịch vụ với chi phí thấp hơn và/hoặc mới có chất lượng tốt hơn.

Những lợi thế so sánh và cạnh tranh của VN sẽ đảm bảo tạo ra các lợi ích khi VN hội nhập.

- Ba mô hình hoá đã được thực hiện phổ biến là:

i/ Chào cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO);

ii/ Một nhóm hoặc một cơ quan có trách nhiệm tìm một người mua tiềm năng các cổ phiếu đại diện đa số trong các ngân hàng được tư nhân hoá (đôi khi được xem là đối



tác chiến lược);

iii/ Phân phối cổ phiếu ra công chúng hoặc cho một nhóm ưu tiên (nhân viên và người quản lý) được thực hiện theo một số công thức, ví dụ như phương pháp phân phối theo giấy biên nhận.

Trong hai trường hợp đầu sẽ có sự xem xét lượng vốn gia tăng do bán cổ phần sẽ trả cho Chính phủ với tư cách là người chủ sở hữu các cổ phiếu trước đây, hoặc có thể được giữ lại để ngân hàng cải thiện mức vốn (tái cấp vốn cho các cổ đông).

6. Thúc đẩy quá trình cạnh tranh – phát triển – hội nhập

6.1. Các nguyên tắc chỉ đạo.

- Quán triệt quan điểm và chủ trương hội nhập quốc tế.
- Chủ động tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực.
- Tận dụng tối đa vị thế của một nước đang phát triển.

Trong đàm phán song phương và đa phương để được hưởng những ưu đãi hoặc nhượng bộ trong việc thực hiện nghĩa vụ của một thành viên, có đủ thời gian để tái cơ cấu và tăng cường sức cạnh tranh quốc tế của hệ thống ngân hàng VN.

- Chấp nhận cạnh tranh và mở cửa.

Theo nguyên tắc an toàn, hiệu quả, bình đẳng, cùng có lợi. Cải cách ngân hàng phải được tiến hành toàn diện và đồng bộ với cải cách các khu vực kinh tế khác.

- Mở cửa thị trường tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế.

Mở cửa thị trường tài chính phải được tiến hành trên cơ sở xem xét những hạn chế và lợi thế cơ bản của hệ thống ngân hàng VN, đồng thời phải tuân

thủ nguyên tắc của các tổ chức thương mại quốc tế và khu vực mà Chính phủ VN đã cam kết như :

i/ Việc xóa bỏ bảo hộ và sự phân biệt đối xử;

ii/ Việc mở cửa và nói lỏng các ràng buộc tài chính đối với các ngân hàng nước ngoài tạo khả năng cạnh tranh phát triển

6.2. Mục tiêu tổng quát:

Tạo lập được môi trường pháp lý hoàn chỉnh, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế nhằm tăng sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng VN trên thị trường tài chính trong nước và ngoài nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, rút ngắn tụt hậu so với các nước khác, đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng VN.

6.3. Mục tiêu cụ thể:

i/ Thực hiện các cam kết hội nhập, từng bước nâng cao sức mạnh của hệ thống ngân hàng cả về nguồn vốn, cơ sở hạ tầng, thị phần, quy mô và chất lượng hoạt động;

ii/ Đến năm 2005, bước đầu đã khắc phục được một số yếu kém của hệ thống ngân hàng; cơ cấu của NHNN và các NHTM ;

iii/ Từ năm 2010, NHNN bắt đầu có vị thế độc lập tương đối, cả về tài chính, tổ chức bộ máy, thiết lập và điều hành chính sách tiền tệ, tổ chức giám sát ;

iv/ Từ năm 2010, hệ thống ngân hàng VN từng bước hoạt động theo chuẩn mực quốc tế kể cả về quản lý, giám sát và công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu về vốn và thanh toán chủ yếu của nền kinh tế, đồng thời thành lập một số tập đoàn tài chính - ngân hàng có vai trò nhất định trên thị trường tài chính khu vực và quốc

tế.

Theo Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, các cam kết mở cửa dịch vụ ngân hàng được thực hiện theo lộ trình 9 năm trước khi mọi hạn chế đối với các ngân hàng Mỹ được bãi bỏ. Cho đến cuối năm 2004, chỉ được hoạt động tại VN dưới hình thức liên doanh với đối tác VN, theo tỷ lệ góp vốn 30-49%, sau thời gian đó những hạn chế này sẽ bị bãi bỏ. Sau 9 năm, tức là từ tháng 12/2010, các ngân hàng Mỹ được phép thành lập ngân hàng con 100% vốn Mỹ tại VN.

Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính Mỹ được phép cung cấp 12 phân ngành dịch vụ ngân hàng theo lộ trình 7 mốc - xác định rõ mức độ tham gia các loại hình dịch vụ ngân hàng và hình thức pháp lý. Điều đó, đồng nghĩa với yêu cầu cắt giảm bảo hộ về kinh doanh dịch vụ đối với các NHTM trong nước.

i/ VN phải loại bỏ dần những hạn chế đối với các ngân hàng Mỹ;

ii/ Một số loại hình dịch vụ trùng với lĩnh vực hoạt động của các NHTM VN như thanh toán quốc tế, đầu tư dự án, tài trợ thương mại.vv; ngoài ra, hàng loạt nghiệp vụ mới chưa được thực hiện tại VN như môi giới tiền tệ, kinh doanh các sản phẩm phái sinh.vv, nhìn chung các ngân hàng Mỹ có ưu thế về công nghệ và trình độ quản lý hơn hẳn các NHTM VN;

iii/ Sức ép cạnh tranh đối với các NHTM VN sẽ tăng, nhất là những ràng buộc về việc nhận tiền gửi VND, phát hành thẻ tín dụng và các máy rút tiền tự động. Thị phần sẽ bị thu hẹp dần, nhất là tại các thành phố lớn và vùng



kinh tế trọng điểm;

iv/ Ngân hàng Mỹ tham gia thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thị trường ngoại hối sẽ có sức ép nhất định đối với hoạt động quản lý của NHNN, nhất là khi các thị trường này hoạt động mạnh mẽ hơn và khi các ngân hàng Mỹ được phép tiếp cận nghiệp vụ tái chiết khấu của ngân hàng trung ương;

v/ Việc điều hành chính sách tiền tệ quốc gia cũng sẽ chịu ảnh hưởng lớn của những biến động về kinh tế - xã hội quốc tế, đặc biệt là trên thị trường tài chính, đòi hỏi phải sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính - tiền tệ để điều chỉnh;

vi/ Khi các ngân hàng Mỹ được phép tham gia hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc thanh toán bù trừ, khó khăn đối với NHNN và các bộ, ngành liên quan cũng tăng lên, làm tăng khối lượng công việc thanh tra NHNN, nhất là về giám sát và thanh tra tại chỗ;

Trong thời gian 9 năm đầu, các ngân hàng Mỹ được phép thành lập ngân hàng liên doanh với các NHTM VN với tỉ lệ vốn góp tối thiểu là 30% nhưng không vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh, làm tăng áp lực cạnh tranh lên các NHTM VN.

7. Hệ thống NHTM VN phải tập trung chủ yếu vào những lĩnh vực sau:

i/ Thị trường tín dụng (kể cả bán buôn và bán lẻ). Cạnh tranh về cho vay sẽ trở nên gay gắt, khi các ngân hàng nước ngoài đã hiểu rõ thị trường VN và môi trường pháp lý. Việc cho phép các ngân hàng nước ngoài tham gia hoạt động tái cấp vốn, tái chiết khấu,

swap, forward từ NHTW (sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực) sẽ giúp họ bù đắp một phần vốn huy động còn bị hạn chế bởi lộ trình;

ii/ Giao dịch thanh toán và chuyển tiền. Sau khi có uy tín, các ngân hàng này sẽ thu hút một lượng đáng kể khách hàng VN;

iii/ Dịch vụ tư vấn, môi giới



kinh doanh tiền tệ, phát triển doanh nghiệp;

iv/ Các ngân hàng nước ngoài thường quan tâm và gây sức ép nhằm mở rộng mạng lưới hoạt động tại VN dưới mọi hình thức, nhất là ngân hàng bán lẻ. Theo Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, các ngân hàng Mỹ không bị hạn chế về hình thức hiện diện (bao gồm cả mua cổ phần của NHTMNN và mở rộng lắp đặt hệ thống ATM như NHTM VN), về địa giới hành chính, về số lượng cho từng loại hình, nên các ngân hàng Mỹ có điều kiện tốt nhất cho việc tăng cường sự có mặt tại VN. Những hình thức hoạt động chủ yếu sau:

- Tăng vốn VND thông qua

huy động tiết kiệm dân cư và vốn nhân rồi tạm thời của tổ chức phi kinh tế.

- Mở rộng hoạt động mới, nhất là dịch vụ thu phí như thanh toán, chuyển tiền, tư vấn, môi giới, lưu ký, quản lý danh mục đầu tư của khách hàng.

8. Hệ thống các giải pháp chính

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp nhằm tạo hành lang pháp lý có hiệu lực, đảm bảo sự bình đẳng, an toàn.

2. Mở cửa thị trường trong nước trên cơ sở xóa bỏ dần các giới hạn.

3. Từng bước đổi mới cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, chức năng của hệ thống NHNN nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả điều hành vĩ mô của NHNN.

4. Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, xóa bỏ sự bảo hộ các NHTM trong nước.

5. Tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NHTM trong kinh doanh, xóa bỏ bao cấp, thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

6. Hỗ trợ và khuyến khích các trung gian tài chính phi ngân hàng, nâng cao trình độ quản lý, cải tiến công nghệ và phát triển dịch vụ phù hợp.

7. Cùng cố và phát triển các hoạt động cung ứng dịch vụ ngân hàng, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ an toàn và hiệu quả kinh doanh ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

8/ Xây dựng kế hoạch chuyển đổi tự do VND, thực hiện thanh toán bằng VND trên lãnh thổ VN,

9/ Xây dựng chiến lược phát



triển công nghệ ngân hàng, nhất là hệ thống thông tin quản lý (MIS), hệ thống thanh toán liên ngân hàng (PIS), hệ thống giao dịch điện tử và giám sát từ xa.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các chương trình và thể chế hợp tác, giám sát, trao đổi thông tin với các khối liên kết kinh tế khu vực và quốc tế,

9. Những bài học kinh nghiệm

Những bài học quan trọng nhất rút ra từ việc so sánh kinh nghiệm khác nhau của các nước như sau:

i/ Đề hội nhập quốc tế thành công, cần không chỉ các hành động chính sách tạo điều kiện cho hội nhập mà còn cần môi trường trong nước hấp dẫn để tất cả các ngân hàng (trong nước và nước ngoài) phát triển;

ii/ Cải cách ngân hàng không thể thành công (và trong mọi trường hợp là không thể tiến hành được), nếu được tiến hành tách rời các chương trình cải cách tài chính khác;

iii/ Sở hữu nhà nước trong các ngân hàng là không tương thích với một hệ thống ngân hàng có sự cạnh tranh cao. Một hệ thống ngân hàng hiệu quả cần có mức độ cạnh tranh cao, vì vậy nếu có sở hữu nhà nước thì ngân hàng đó phải có khả năng hoạt động như một pháp nhân độc lập;

iv/ Trình tự hội nhập quốc tế tối ưu tùy thuộc vào mức độ phát triển của hệ thống tài chính. Tự do hóa tài khoản vốn mang lại nhiều lợi ích về mặt tiếp cận các nguồn vốn. Hệ quả phải điều chỉnh trước khi tự do hóa tài khoản vốn cho các luồng vốn ngắn hạn chảy vào; (lần sau sẽ trình bày rõ vấn đề này)

v/ Triển khai và thực hiện các chính sách thích hợp nhất phụ thuộc vào hoàn cảnh của từng quốc gia. Nguyên tắc chung là đối xử quốc gia và các lựa chọn khác khuyến khích cạnh tranh sẽ cải thiện kết quả về mặt thương mại đối với các hành động chính sách. Sự độc lập và tách biệt giữa trách nhiệm đối với chính sách tiền tệ và thanh tra, giám sát khu vực ngân hàng, và nghiên cứu tài chính, công bố số liệu đều trở nên phổ biến.

Tóm lại: Tái cấu trúc ngân hàng sau khủng hoảng tài chính toàn cầu là tất yếu với mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh, phù hợp với hội nhập kinh tế thế giới. Tái cấu trúc là công việc thường xuyên lâu dài, vì môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi, nếu không cập nhật, điều chỉnh thì sẽ rệu rã.

Chú thích

[1] Hệ thống NHVN : 5 NHTMNN với 1.203 Chi nhánh cấp I và Sở Giao dịch, 39 NHTMCP với 898 CN cấp I và SGD, 40 CN NH nước ngoài, 5 NH liên doanh, 17 Công ty Tài chính, 13 Công ty cho thuê tài chính, 53 Văn phòng đại diện NH nước ngoài tại VN, 1 Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương và gần 1000 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Phát triển một số mạng lưới ra quốc tế. Đặc biệt, thành lập 5 NH 100% vốn nước ngoài tại VN. Đến nay, VN đã có đủ các hình thức sở hữu : Nhà nước, tập thể, cổ phần, liên doanh, nước ngoài. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngân hàng Nhà nước VN.
- Website Chính phủ.
- Bài viết của các tác giả khác đăng trên báo chuyên ngành.



Tiền là gì?

1. Tiền không mang lại hạnh phúc cho những người ...không có chúng!
2. Tiền không quan trọng ..nhưng đó là ta đang nói về tiền của

người khác!

3. Tiền không phải là thước đo chính xác nhất để đánh giá con người .. nhưng hầu hết người ta lại sử dụng thước đo này ..
4. Tôi không tham tiền - Nhưng nó làm thần kinh tôi bớt căng thẳng.
5. Tất cả những đồng tiền đều tốt, nhất là những đồng tiền mặt.
6. Cái gì không mua được bằng tiền thì có thể mua bằng rất nhiều tiền!
7. Nếu tiền không làm bạn hạnh phúc thì hãy đưa nó cho tôi.
8. Trước kia khi có tiền tôi thấy tiền là quan trọng nhưng bây giờ khi hết tiền rồi tôi thấy nó còn quan trọng hơn nhiều.
9. Tình yêu không bắt nguồn từ tiền bạc, nhưng tiền bạc nuôi dưỡng tình yêu.
10. Tiền bạc không thành vấn đề, vấn đề là có tiền hay không.
11. Sự phân chia tiền trên thế giới là điều hợp lý nhất bởi vì ai cũng kêu rằng mình không đủ tiền.
12. Có một thứ tiền không thể mua được. Đó là sự nghèo khó.
13. Tiền bạc không phải là tất cả. Vì còn có vàng và kim cương.
14. Nếu đồng tiền biết nói thì nó chỉ biết mỗi một từ: "Vĩnh biệt".